TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 181/2024/QĐST-DS	*Quận 5, ngày 08 tháng 8 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 19/2024/TLST-DS ngày 16/01/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản",

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

- Ông Phạm Duy N, sinh năm 1974;
- Bà Trần Thị Mai H, sinh năm 1974;

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Mai H, sinh năm 1974: Ông Phạm Duy N, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Giấy ủy quyền ngày 25/4/2024).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm G, sinh năm 1981; địa chỉ: Số D A, Phường C, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Ngô Thị Cẩm S, sinh năm 1958; địa chỉ: H Đại lộ Đ, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Phạm Duy N, bà Trần Thị Mai H và bà Nguyễn Thị Cẩm G có ký Hợp đồng vay tiền số công chứng 953, quyển số 1/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/02/2023 tại Văn phòng C, trụ sở: số G N, phường A, Thành phố B.

2.2. Bà Nguyễn Thị Cẩm G xác nhận còn nợ ông Phạm Duy N và bà Trần Thị Mai H số tiền nợ gốc tính đến ngày 31/7/2024 là 17.030.000.000 (Mười bảy tỷ không trăm ba mươi triệu) đồng. Ông Phạm Duy N và bà Trần Thị Mai H xác nhận chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị Cẩm G trả số tiền nợ gốc, không yêu cầu trả lãi.

2.3. Ông Phạm Duy N và bà Trần Thị Mai H xác nhận chỉ yêu cầu cá nhân bà Nguyễn Thị Cẩm G trả nợ, bà Nguyễn Thị Cẩm G xác nhận đây là khoản nợ vay cá nhân của bà, không liên quan đến ai khác.

2.4. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phạm Duy N, bà Trần Thị Mai H và bà Nguyễn Thị Cẩm G về việc:

Bà Nguyễn Thị Cẩm G có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Duy N, bà Trần Thị Mai H số tiền là 17.030.000.000 (Mười bảy tỷ không trăm ba mươi triệu) đồng chậm nhất là vào ngày 01/5/2025.

Sau khi bà Nguyễn Thị Cẩm G trả hết số tiền trên thì Hợp đồng vay tiền số công chứng 953, quyển số 1/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/02/2023 tại Văn phòng C, trụ sở: số G N, phường A, Thành phố B không còn giá trị pháp lý.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm là 62.515.000 đồng (Sáu mươi hai triệu năm trăm mười lăm nghìn) đồng. Mỗi bên chịu ½ tiền án phí hòa giải thành là 31.257.500 đồng (Ba mươi mốt triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm) đồng.

- Bà Nguyễn Thị Cẩm G chịu án phí dân sự sơ thẩm là 31.257.500 đồng (Ba mươi mốt triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm) đồng.

- Ông Phạm Duy N và bà Trần Thị Mai H chịu án phí dân sự sơ thẩm là 31.257.500 đồng (Ba mươi mốt triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm) đồng. Ông Phạm Duy N và bà Trần Thị Mai H đã nộp tạm ứng án phí số tiền là 63.507.849 (Sáu mươi ba triệu năm trăm lẻ bảy nghìn tám trăm bốn mươi chín) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0011084 ngày 16/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn trả cho ông Phạm Duy N và bà Trần Thị Mai H số tiền chênh lệch là 32.250.349 (Ba mươi hai triệu hai trăm năm mươi nghìn ba trăm bốn mươi chín) đồng.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 5;
- Chi cục THADS Quận 5;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Mai Thị Thái Hòa